

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Hộ

2. Ông Hoàng Trung Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mông Thị L - sinh năm 2001;

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm Minh Khai, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Ngọc Đông T - sinh năm 1991;

ĐKKHKT: tổ 11, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/6/2022, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mông Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngọc Đông T kết hôn ngày 31/10/2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới bà và ông T đều kinh doanh tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tết Nguyên đán năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn (đến tháng 4/2022 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở

nên trầm trọng hơn). Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Trong cuộc sống hai vợ chồng không thông cảm cho công việc cá nhân của nhau. Ông T thường xuyên đi chơi đêm, hay uống rượu bia. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng có cải cố nhưng không xảy ra xô xát. Vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đều biết và có đưa ra lời khuyên với cả hai vợ chồng. Hai vợ chồng vẫn chung sống với nhau đến đầu tháng 9/2022 thì ly thân (bà về nhà ngoại sống). Trong thời gian còn sống chung cả hai bên đều không quan tâm đến nhau, ai làm việc người đó, mỗi quan tâm chung giữa hai vợ chồng chỉ là cháu Bảo. Khi bà nộp đơn ly hôn (đầu tháng 6/2022) cũng như sau buổi hòa giải tại Tòa án ngày 19/7/2022 cho đến nay, bà đã quan sát thái độ của ông T, tuy nhiên bà nhận thấy ông T không có thiện chí cải thiện mối quan hệ căng thẳng giữa hai vợ chồng, hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn, không khí trong gia đình cũng trở nên ngột ngạt hơn. Ông T vẫn thường xuyên đi chơi đêm, uống rượu. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà xác nhận quá trình chung sống có 01 (một) con chung là Ngọc Thiên B (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/10/2018. Bà và ông T thống nhất, thỏa thuận ông T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ tuổi trưởng thành. Bà sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đông Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và thời gian kết hôn như bà L trình bày là chính xác, ông không bổ sung gì thêm. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà L có ý định đi làm việc ở ngoại tỉnh nhưng ông không đồng ý vì con còn nhỏ. Ông thừa nhận ông thường xuyên đi chơi đêm, hay uống rượu bia. Bà L có góp ý về việc này nhưng cách góp ý của bà L hơi quá khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng hơn. Khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng tự nói chuyện với nhau chứ không được gia đình hay tổ chức nào hòa giải. Ông cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn khắc phục được bằng cách ông sẽ ít đi chơi đêm và dành nhiều thời gian hơn để quan tâm gia đình. Trong cuộc sống hàng ngày, ông vẫn quan tâm chăm sóc gia đình, đưa con đi chơi. Từ sau khi hòa giải tại Tòa án ngày 19/7/2022, hai vợ chồng ít nói chuyện với nhau, việc ai người đó làm. Ông xác nhận vợ chồng đã ly thân từ đầu tháng 9/2022. Do bận công việc bán hàng và đưa đón con đi học nên từ khi bà L chuyển về nhà ngoại sinh sống ông cũng không lên hỏi thăm cũng như nói chuyện. Ông có thiện chí trong việc hàn gắn tính cảm vợ chồng, tuy nhiên bà L không hợp tác. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà L, ông không nhất trí ly hôn và mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Ông nhất trí với ý kiến của bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mông Thị L được ly hôn với ông Ngọc Đông T. Về con chung: Giao con chung là Ngọc Thiên B (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/10/2018 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành; bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Mông Thị L khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với ông Ngọc Đông T chỗ ở hiện nay tại tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mông Thị L kết hôn với ông Ngọc Đông T năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Trong cuộc sống hai vợ chồng không thông cảm cho công việc cá nhân của nhau. Ông T thường xuyên đi chơi đêm, hay uống rượu bia. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên trầm trọng hơn kể từ tháng 4/2022. Thời điểm hai vợ chồng còn chung sống với nhau cả hai bên đều không quan tâm đến nhau, ai làm việc người đó, mỗi quan tâm chung giữa hai vợ chồng chỉ là cháu B. Từ sau buổi hòa giải tại Tòa án ngày 19/7/2022, hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Ông T vẫn không có thiện chí trong việc cải thiện mối quan hệ căng

thăng vợ chồng khiến không khí trong gia đình trở nên ngột ngạt hơn. Từ đầu tháng 9/2022 hai vợ chồng ly thân.

Bị đơn cũng xác nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn bởi bà L có ý định đi làm việc ở ngoại tỉnh nhưng ông không đồng ý vì con còn nhỏ. Ngoài ra, ông T cũng thừa nhận ông thường xuyên đi chơi đêm, hay uống rượu bia. Bà L có góp ý về việc này nhưng cách góp ý của bà L hơi quá khiến cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng hơn. Từ sau khi hòa giải tại Tòa án ngày 19/7/2022, hai vợ chồng ít nói chuyện với nhau, việc ai người đó làm. Ông có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên bà L không hợp tác. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2022.

Qua lời trình bày của hai bên đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà L và ông T đã tồn tại mâu thuẫn. Bà L ông T trước thời điểm tháng 9/2022 tuy vẫn chung sống với nhau nhưng ít khi nói chuyện, ai làm việc người đó, mỗi quan tâm chung giữa hai vợ chồng chỉ là cháu B. Và hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T chỉ tồn tại về mặt hình thức. Bà L và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Hai bên đương sự có một con chung là Ngọc Thiên B (Giới tính: Nam), sinh ngày: 26/10/2018. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, hai bên đương sự tự nguyện, thỏa thuận con chung sẽ do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mông Thị L. Bà Mông Thị L được ly hôn với ông Ngọc Đông T.

[2]. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận của các bên đương sự về con chung, giao con chung là Ngọc Thiên B (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/10/2018 cho ông Ngọc Đông T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Mông Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Mông Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Ngoài ra, bà Mông Thị L còn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí bà Mông Thị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003214 ngày 29/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Mông Thị L còn phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai

